

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN LÂM HÀ  
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2022/DS-ST

Ngày: 13/5/2022

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng dân sự  
mua bán tài sản*”.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM HÀ, TỈNH LÂM ĐỒNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị H.

**Các hội thẩm nhân dân:** Ông Nguyễn Thái D;

Bà Trần Thị Thanh V.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Văn C là thư ký Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:** Không.

Ngày 13 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 03/2022/TLST-DS ngày 05/01/2022 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng dân sự mua bán tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2022/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 3 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 28/2022/QĐST-DS ngày 21 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** ông Hà Văn H, sinh năm 1985.

Địa chỉ: thôn L, xã T, huyện L, tỉnh L. Có mặt.

**Bị đơn:** ông Nguyễn Đình P, sinh năm 1983.

Địa chỉ: thôn N, xã H, huyện L, tỉnh L. Vắng mặt

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, nội dung bản tự khai và lời trình bày của nguyên đơn ông Hà Văn H thì:*

Xuất phát từ mối quan hệ quen biết với ông Nguyễn Đình P, ông có bán cám cho ông P nhiều lần vào năm 2019. Khi mua bán cám, ông P có ký nhận nợ với ông. Ngày 22/5/2020, hai bên đối cH công nợ thì ông P còn nợ ông số tiền mua cám là 58.000.000đ. Sau đó, ông P có thanh toán cho ông được số tiền là 6.000.000đ, còn nợ lại số tiền là 52.000.000đ. Sau khi trả số tiền 6.000.000đ, ông P hẹn thời hạn trả nợ là 20 ngày sau sẽ trả cho ông tiếp 10.000.000đ. Tuy nhiên, từ đó đến nay ông P

không trả cho ông số tiền là 52.000.000đ, mặc dù ông đã nhiều lần yêu cầu ông P thanh toán tiền cho ông. Do vậy, ông khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông P phải thanh toán cho ông số tiền gốc là 52.000.000đ và tiền lãi theo mức lãi suất là 0,83%/tháng tính từ tháng 6/2020 đến nay là 22 tháng. Ngoài ra, ông H không có yêu cầu gì khác.

*Tại bản tự khai, bị đơn ông Nguyễn Đình P trình bày:*

Xuất phát từ mối quan hệ quen biết với ông H nên ông có mua bán cám với ông H nhiều lần. Quá trình mua bán cám, ông và ông H có chốt công nợ với nhau vào ngày 22/5/2020 thì ông nợ tổng số tiền là 58.000.000đ. Sau đó, ông có thanh toán được cho ông H số tiền là 6.000.000đ, còn nợ lại số tiền là 52.000.000đ. Ông H có yêu cầu ông trả số tiền trên nhưng do gặp khó khăn về kinh tế nên ông chưa có tiền trả cho ông H. Nay ông H khởi kiện yêu cầu ông phải trả số tiền gốc là 52.000.000đ và số tiền lãi tạm tính là 7.337.200đ thì ông chỉ đồng ý trả cho ông H số tiền gốc trên, ông không đồng ý trả tiền lãi. Ngoài ra, ông P không trình bày gì thêm.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của pháp luật nhưng bị đơn ông Nguyễn Đình P vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa, nguyên đơn ông H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện: buộc ông P phải thanh toán cho ông số tiền gốc là 52.000.000đ và tiền lãi theo mức lãi suất là 0,83%/tháng tính từ tháng 6/2020 đến nay là 22 tháng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **[1] Về thủ tục tố tụng:**

Tại phiên tòa, bị đơn ông Nguyễn Đình P vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên áp dụng Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn ông Nguyễn Đình P là phù hợp.

#### **[2] Về xác định quan hệ tranh chấp:**

Ông H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông P phải thanh toán cho ông H số tiền mua cám là 52.000.000đ và tiền lãi theo mức lãi suất là 0,83%/tháng tính từ tháng 6/2020 đến nay nên căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật là: “*Tranh chấp hợp đồng dân sự mua bán tài sản*” giữa nguyên đơn ông Hà Văn H với bị đơn ông Nguyễn Đình P, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

#### **[3] Về nội dung vụ án:**

Nguyên đơn ông H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn ông P phải thanh toán cho ông H số tiền mua cám là 52.000.000đ và tiền lãi theo mức lãi suất là 0,83%/tháng tính từ tháng 6/2020 đến nay. Bị đơn ông P xác định có mua bán cám với ông H còn nợ số tiền gốc là 52.000.000đ, qua yêu cầu khởi của ông H thì ông P chỉ đồng ý trả trả cho ông số tiền gốc là 52.000.000đ, không đồng ý trả tiền lãi.

Đối chiếu các tài liệu, chứng cứ do ông H xuất trình và lời khai của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận thấy: Việc bán cầm cho ông P, ông H có chép trong sổ, sau đó hai bên có đối chiếu công nợ với nhau vào ngày 22/5/2020 thể hiện ông P nợ ông H tổng số tiền mua cầm là 58.000.000đ. Sau khi đối chiếu công nợ, ông P có thanh toán được cho ông H số tiền là 6.000.000đ, còn nợ lại số tiền là 52.000.000đ. Tại bản tự khai viết ngày 22/02/2022, ông P thừa nhận có mua bán cầm với ông H và còn nợ tổng số tiền là 58.000.000đ. Sau đó, ông P có thanh toán được cho ông H số tiền là 6.000.000đ, còn nợ lại số tiền là 52.000.000đ. Do gặp khó khăn về kinh tế nên ông P chưa có tiền trả cho ông H. Nay ông H khởi kiện yêu cầu ông P phải trả số tiền gốc là 52.000.000đ và số tiền lãi tạm tính là 7.337.200đ thì ông P chỉ đồng ý trả cho ông H số tiền gốc trên, ông P không đồng ý trả tiền lãi.

Như vậy, việc mua bán cầm giữa ông H và ông P là có xảy ra trên thực tế, ông P thừa nhận còn nợ ông H số tiền gốc là 52.000.000đ và đồng ý trả cho ông H. Đây được coi là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự nên cần buộc ông P phải trả cho ông H số tiền gốc là 52.000.000đ là phù hợp.

Đối với yêu cầu tính lãi, tại giấy xác nhận công nợ lập ngày 22/5/2020, thể hiện các bên không thỏa thuận về lãi suất chậm trả; bị đơn ông P vắng mặt trong quá trình làm việc và tại phiên tòa hôm nay nên không làm rõ được các bên có thỏa thuận lãi suất chậm trả không; đồng thời ông P cũng không đồng ý trả tiền lãi suất cho ông H nên căn cứ khoản 2 Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật tố tụng dân sự cần buộc ông P phải trả tiền lãi cho ông P theo mức lãi suất là 0,83%/tháng tính từ tháng 6/2020 đến ngày xét xử, ông H yêu cầu tính lãi 22 tháng là phù hợp.

Lãi suất được tính cụ thể như sau:  $52.000.000đ \times 0,83\%/tháng \times 22 tháng = 9.495.200đ$ .

Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Hà Văn H, buộc ông Nguyễn Đình P phải thanh toán cho ông Hà Văn H số tiền gốc là 52.000.000đ và số tiền lãi là 9.495.200đ. Tổng cộng cả tiền gốc và tiền lãi là 61.495.200đ.

[4] *Về án phí*: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên buộc bị đơn ông Nguyễn Đình P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả cho ông Hà Văn H theo quy định của pháp luật. Số tiền án phí được tính cụ thể như sau:  $61.495.200đ \times 5\% = 3.074.760đ$ .

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 92, khoản 2 Điều 147; Điều 227, Điều 228, khoản 2 Điều 266 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 2 Điều 357, Điều 430; Điều 440; khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 26 Luật thi hành án dân sự.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của ông Hà Văn H về việc: “*Tranh chấp hợp đồng dân sự mua bán tài sản*” với bị đơn ông Nguyễn Đình P.

Buộc ông Nguyễn Đình P phải trả cho ông Hà Văn H số tiền gốc là 52.000.000đ và số tiền lãi là 9.495.200đ. Tổng cộng cả tiền gốc và tiền lãi là 61.495.200đ (*sáu mươi một triệu bốn trăm chín mươi lăm ngàn hai trăm đồng*).

*Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.*

2. Về án phí: Buộc bị đơn ông Nguyễn Đình P phải nộp 3.074.760đ (*ba triệu không trăm bảy mươi tư ngàn bảy trăm sáu mươi đồng*) tiền án phí Dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho ông Hà Văn H số tiền 1.483.000đ (*một triệu bốn trăm tám mươi ba ngàn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002846 ngày 28/12/2021 của Chi cục thi hành án Dân sự huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (13/5/2022); đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

*Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Lâm Đồng (02);
- VKSND huyện Lâm Hà;
- Chi cục THADS huyện Lâm Hà;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, BP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(đã ký)**

**Nguyễn Thị H**